TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 840/2024/QĐST-HNGĐ	*Tân Bình, ngày 30 tháng 10 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 664/2024/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 10 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Trần Tiến N, sinh năm 1962.

Địa chỉ: 410 C, phường A., quận T, TP Hồ Chí Minh

- Bà Lê Thị Tuyết M, sinh năm 1965.

Địa chỉ: 410 C, phường A., quận T, TP Hồ Chí Minh

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Ông Trần Tiến N và bà Lê Thị Tuyết M cùng có đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn. Đây là yêu cầu về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông N và bà M đang cư trú tại quận T, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 35, điểm h khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 43/1991 ngày 25/06/1991 do Ủy ban nhân dân Phường E, quận T, thành phố Hồ Chí Minh cấp thì ông N và bà M là vợ chồng hợp pháp, nay cả hai xin được công nhận thuận tình ly hôn là phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời trình bày của ông N và bà M thì trong quá trình chung sống hai bên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, hai bên không tìm được tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Mặc dù hai bên đã cố gắng hòa giải nhưng các mâu thuẫn không hòa giải được, cả hai đã sống ly

thân từ năm 2009 đến nay. Nay nhận thấy vợ chồng không thể hàn gắn và không thể tiếp tục cuộc sống chung nên cả hai cùng yêu cầu được thuận tình ly hôn. Xét thấy sự thỏa thuận của hai bên là hoàn toàn tự nguyện và không trái luật nên được công nhận.

[4] Về con chung: Ông Trần Tiến N và bà Lê Thị Tuyết M có 02 con chung tên: Trần Khánh N1, sinh ngày 16/3/1997 và Trần Mai K, sinh ngày 14/02/2000, cả hai con đều đã trưởng thành.

[5] Về tài sản chung: Ông Trần Tiến N và bà Lê Thị Tuyết M tự thỏa thuận.

[6] Về nợ chung: Ông Trần Tiến N và bà Lê Thị Tuyết M khai không có.

[7] Về lệ phí việc dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng ông Trần Tiến N và bà Lê Thị Tuyết M chịu, được cấn trừ toàn bộ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đ (Ba trăm nghìn) đồng ông N và bà M đã nộp theo biên lai số 0002369 ngày 04/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Tiến N và bà Lê Thị Tuyết M thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông Trần Tiến N và bà Lê Thị Tuyết M có 02 con chung tên: Trần Khánh N1, sinh ngày 16/3/1997 và Trần Mai K, sinh ngày 14/02/2000, cả hai con đều đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: Ông Trần Tiến N và bà Lê Thị Tuyết M tự thỏa thuận.

- Về nợ chung : Ông Trần Tiến N và bà Lê Thị Tuyết M khai không có.

2. Về lệ phí sơ thẩm: Ông Trần Tiến N và bà Lê Thị Tuyết M chịu lệ phí sơ thẩm là 300.000 đồng, được cấn trừ toàn bộ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đ (Ba trăm nghìn) đồng ông N và bà M đã nộp theo biên lai số 0002369 ngày 04/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

.3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân Q.Tân Bình;
- Chi cục THADS Q.Tân Bình;
- UBND Phường E, quận T, thành phố Hồ Chí Minh
(Để ghi vào sổ hộ tịch đối với Giấy CNKH
số 43/1991 ngày 25/06/1991)
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hồng Vân